TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2018 - CNPM (FIT_CNPM_2018)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL 1	Ghi chú
1	1807010249	Đỗ Hoàng	Sơn	1C-18	136	2.41	TC_KLTN	Nhóm môn tự chọn	6	3		X		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC CSN :	6 TC (Min)	6
CSN .	61FIT2AIN Trí tuệ Nhân tạo	3
	61FIT2ESY Hệ thống nhúng	3
	61FIT2IIS Nhập môn An toàn Thông tin	3
	61FIT3CGR Đồ họa Máy tính	3
Nhóm TC DHCNPM :	12 TC (Min)	12
DHCNPM .	61FIT3BDM Khai phá Dữ liệu lớn	3
	61FIT3HCI Tương tác Người máy	3
	61FIT3IWS Internet và Dịch vụ Web	3
	61FIT3JSD Phát triển Phần mềm Java	3
	61FIT3MPR Lập trình cho Thiết bị Di động	3
	61FIT3MUL Đa phương tiện	3
	61FIT3NPR Lập trình mạng	3
	61FIT3REQ Phân tích Yêu cầu Phần mềm	3
Nhóm TC GDTC :	2 TC (Min)	2
GDTC1 .	61PED1AB1 Thể dục nhịp điệu 1	1
	61PED1AB2 Thể dục nhịp điệu 2	1

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2018 - CNPM (FIT_CNPM_2018)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
		61PED1BB1 Bóng rổ 1	1										
		61PED1BB2 Bóng rổ 2	1										
		61PED1FF1 Bóng đá cơ bản 1	1										
		61PED1FF2 Bóng đá cơ bản 2	1										
		61PED1LJP Nhảy xa	1										
		61PED1OMR Chạy 100m	1										
		61PED1PP1 Bóng bàn 1	1										
		61PED1PP2 Bóng bàn 2	1										
		61PED1VB1 Bóng chuyền 1	1										
		61PED1VB2 Bóng chuyền 2	1										
Nhóm TC TC_KLTN :		6 TC (Min)	6										
TC_KLTN .		61FIT4ATI Các chủ đề mới trong Công nghệ thông tin	3										
		61FIT4GRP Khóa luận Tốt nghiệp	6										
		61FIT4IPR Xử lý ảnh và nhận dạng	3										
		61FIT4MLA Học máy và Ứng dụng	3										
		61FIT4PIT Đạo đức Nghề nghiệp trong Ngành Công nghệ Thông tin	3										
Nhóm TC THTA2 :		14 TC (Min)	14										
THTA2 .		61ESP11A2 Thực hành tiếng 1A2	4										
		61ESP12A2 Thực hành tiếng 2A2	4										
		61ESP13A2 Thực hành tiếng 3A2	3										
		61ESP14A2 Thực hành tiếng 4A2	3										
		61ESP1A2 Thực hành tiếng A2	14										
Nhóm TC THTB1 :		14 TC (Min)	14										
THTB1 .		61ESP11B1 Thực hành tiếng 1B1	4										
		61ESP12B1 Thực hành tiếng 2B1	4										

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2018 - CNPM (FIT_CNPM_2018)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
		61ESP13B1 Thực hành tiếng 3B1	3										
		61ESP14B1 Thực hành tiếng 4B1	3										
		61ESP1B1 Thực hành tiếng B1	14										
Nhóm TC THTB2 :		14 TC (Min)	14										
THTB2 .		61ESP11B2 Thực hành tiếng 1B2	4										
		61ESP12B2 Thực hành tiếng 2B2	4										
		61ESP13B2 Thực hành tiếng 3B2	3										
		61ESP14B2 Thực hành tiếng 4B2	3										
		61ESP1B2 Thực hành tiếng B2	14										
Nhóm chứng chỉ tự chọn NLNN													
NLNN01 .		ANH.B2-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2											
NLNN02 .		ANH.C1-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1											

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL 1	Ghi chú
1	1807060013	Nguyễn Mỹ Anh	1C-19	10	3.31	61FIT2CAL	Toán cao cấp	3	0	2020-1			
						61FIT2CNE	Mạng Máy tính	3	0	2020-2			
						61FIT2DMA	Toán rời rạc	3	0	2020-1			
						61FIT2DSA	Cấu trúc Dữ liệu và Giải thuật	3	0	2020-2			
						61FIT2PCO	Nguyên lý Máy tính	3	0	2020-1			
						61FIT2POP	Nguyên lý Hệ điều hành	3	0	2020-1			
						61FIT2PR1	Lập trình 1	3	0	2020-1			
						61FIT2PR2	Lập trình 2	3	0	2020-2			
						61FIT2PRM	Quản lý Dự án	3	0	2020-2			
						61FIT2PST	Xác suất Thống kê	3	0	2020-2			
						61FIT2RES	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	0	2020-1			
						61FIT3DBS	Cơ sở Dữ liệu	3	0	2021-1			
						61FIT3SAD	Phân tích Thiết kế Hệ thống	3	0	2021-1			
						61FIT3SE1	Công nghệ Phần mềm 1	3	0	2021-1			
						61FIT3SE2	Công nghệ Phần mềm 2	3	0	2021-2			

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
1	1807060013	Nguyễn Mỹ Anh	1C-19	10	3.31	61FIT3SQA	Đảm bảo Chất lượng Phần mềm	3	0	2021-2			
						61FIT3SS1	Chuyên đề 1	3	0	2021-1			
						61FIT3SS2	Chuyên đề 2	3	0	2021-2			
						61FIT3WPR	Lập trình Web	3	0	2021-1			
						61FIT4INT	Thực tập Tốt nghiệp	4	0	2022-2			
						61FIT4SPM	Quản lý Dự án Phần mềm	3	0	2021-2			
						CSN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						DHCNPM	Nhóm môn tự chọn	12	12		X		
						NLNN	Thông tin nhóm CC tự chọn	0	0		X		
						TC_KLTN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						THTA2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						THTB1	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						THTB2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
2	1907010186	Cao Tuấn Minh	1C-19	0	0.20	61FIT2CAL	Toán cao cấp	3	0	2020-1			
						61FIT2CNE	Mạng Máy tính	3	0	2020-2			
						61FIT2DMA	Toán rời rạc	3	0	2020-1			
						61FIT2DSA	Cấu trúc Dữ liệu và Giải thuật	3	0	2020-2			
						61FIT2PCO	Nguyên lý Máy tính	3	0	2020-1			
						61FIT2POP	Nguyên lý Hệ điều hành	3	0	2020-1			
						61FIT2PR1	Lập trình 1	3	0	2020-1		0.2	

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
2	1907010186	Cao Tuấn Minh	1C-19	0	0.20	61FIT2PR2	Lập trình 2	3	0	2020-2			
						61FIT2PRM	Quản lý Dự án	3	0	2020-2			
						61FIT2PST	Xác suất Thống kê	3	0	2020-2			
						61FIT2RES	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	0	2020-1			
						61FIT3DBS	Cơ sở Dữ liệu	3	0	2021-1			
						61FIT3SAD	Phân tích Thiết kế Hệ thống	3	0	2021-1			
						61FIT3SE1	Công nghệ Phần mềm 1	3	0	2021-1			
						61FIT3SE2	Công nghệ Phần mềm 2	3	0	2021-2			
						61FIT3SQA	Đảm bảo Chất lượng Phần mềm	3	0	2021-2			
						61FIT3SS1	Chuyên đề 1	3	0	2021-1			
						61FIT3SS2	Chuyên đề 2	3	0	2021-2			
						61FIT3WPR	Lập trình Web	3	0	2021-1			
						61FIT4INT	Thực tập Tốt nghiệp	4	0	2022-2			
						61FIT4SPM	Quản lý Dự án Phần mềm	3	0	2021-2			
						61PED1MDR	Chạy cự ly trung bình (800m-1500m)	1	0	2019-1			
						61PML1ML1	Những Nguyên lý Cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	0	2019-1		4.6	
						61PML1ML2	Những Nguyên lý Cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	0	2019-2		2.8	
						61PML3HCM	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	2020-1		2.4	

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
2	1907010186	Cao Tuấn Minh	1C-19	0	0.20	61PML3RCM	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	2020-1			
						CSN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						DHCNPM	Nhóm môn tự chọn	12	12		X		
						GDTC	Nhóm môn tự chọn	2	2		X		
						NLNN	Thông tin nhóm CC tự chọn	0	0		X		
						TC_KLTN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						THTA2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						THTB1	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						THTB2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC CSN :	6 TC (Min)	6
CSN .	61FIT2AIN Trí tuệ Nhân tạo	3
	61FIT2ESY Hệ thống nhúng	3
	61FIT2IIS Nhập môn An toàn Thông tin	3
	61FIT3CGR Đồ họa Máy tính	3
Nhóm TC DHCNPM :	12 TC (Min)	12
DHCNPM .	61FIT3BDM Khai phá Dữ liệu lớn	3
	61FIT3HCI Tương tác Người máy	3
	61FIT3IWS Internet và Dịch vụ Web	3
	61FIT3JSD Phát triển Phần mềm Java	3
	61FIT3MPR Lập trình cho Thiết bị Di động	3
	61FIT3MUL Đa phương tiện	3
	61FIT3NPR Lập trình mạng	3
	61FIT3REQ Phân tích Yêu cầu Phần mềm	3

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
Nhóm TC GDTC :		2 TC (Min)	2										
GDTC1 .		61PED1AB1 Thể dục nhịp điệu 1	1										
		61PED1AB2 Thể dục nhịp điệu 2	1										
		61PED1BB1 Bóng rổ 1	1										
		61PED1BB2 Bóng rổ 2	1										
		61PED1FF1 Bóng đá cơ bản 1	1										
		61PED1FF2 Bóng đá cơ bản 2	1										
		61PED1LJP Nhảy xa	1										
		61PED1OMR Chạy 100m	1										
		61PED1PP1 Bóng bàn 1	1										
		61PED1PP2 Bóng bàn 2	1										
		61PED1VB1 Bóng chuyền 1	1										
		61PED1VB2 Bóng chuyền 2	1										
Nhóm TC TC_KLTN :		6 TC (Min)	6										
TC_KLTN .		61FIT4ATI Các chủ đề mới trong Công nghệ thông tin	3										
		61FIT4GRP Khóa luận Tốt nghiệp	6										
		61FIT4IPR Xử lý ảnh và nhận dạng	3										
		61FIT4MLA Học máy và Ứng dụng	3										
		61FIT4PIT Đạo đức Nghề nghiệp trong Ngành Công nghệ Thông tin	3										
Nhóm TC THTA2 :		14 TC (Min)	14										
THTA2 .		61ESP11A2 Thực hành tiếng 1A2	4										
		61ESP12A2 Thực hành tiếng 2A2	4										
		61ESP13A2 Thực hành tiếng 3A2	3										
		61ESP14A2 Thực hành tiếng 4A2	3										
		61ESP1A2 Thực hành tiếng A2	14										

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2019 - CNPM (FIT_CNPM_2019)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
Nhóm TC THTB1 :		14 TC (Min)	14										
THTB1 .		61ESP11B1 Thực hành tiếng 1B1	4										
		61ESP12B1 Thực hành tiếng 2B1	4										
		61ESP13B1 Thực hành tiếng 3B1	3										
		61ESP14B1 Thực hành tiếng 4B1	3										
		61ESP1B1 Thực hành tiếng B1	14										
Nhóm TC THTB2 :		14 TC (Min)	14										
THTB2 .		61ESP11B2 Thực hành tiếng 1B2	4										
		61ESP12B2 Thực hành tiếng 2B2	4										
		61ESP13B2 Thực hành tiếng 3B2	3										
		61ESP14B2 Thực hành tiếng 4B2	3										
		61ESP1B2 Thực hành tiếng B2	14										
Nhóm chứng chỉ tự chọn NLNN													
NLNN01 .		ANH.B2-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2											
NLNN02 .		ANH.C1-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1											

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2020 - CNPM (FIT_CNPM_2020)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **142**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL 1	Ghi chú
1	2007020034	Nguyễn Hải Đăng	1C-20	13	2.15	61FIT2CAL	Toán cao cấp	3	0	2021-1			
						61FIT2CNE	Mạng Máy tính	3	0	2021-2			
						61FIT2DMA	Toán rời rạc	3	0	2021-1			
						61FIT2DSA	Cấu trúc Dữ liệu và Giải thuật	3	0	2021-2			
						61FIT2PCO	Nguyên lý Máy tính	3	0	2021-1			
						61FIT2POP	Nguyên lý Hệ điều hành	3	0	2021-1			
						61FIT2PR1	Lập trình 1	3	0	2021-1			
						61FIT2PR2	Lập trình 2	3	0	2021-2			
						61FIT2PRM	Quản lý Dự án	3	0	2021-2			
						61FIT2PST	Xác suất Thống kê	3	0	2021-2			
						61FIT2RES	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	0	2021-1			
						61FIT3DBS	Cơ sở Dữ liệu	3	0	2022-1			
						61FIT3SAD	Phân tích Thiết kế Hệ thống	3	0	2022-1			
						61FIT3SE1	Công nghệ Phần mềm 1	3	0	2022-1			
						61FIT3SE2	Công nghệ Phần mềm 2	3	0	2022-2			

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2020 - CNPM (FIT_CNPM_2020)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **142**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
1	2007020034	Nguyễn Hải Đăng	1C-20	13	2.15	61FIT3SQA	Đảm bảo Chất lượng Phần mềm	3	0	2022-2			
						61FIT3SS1	Chuyên đề 1	3	0	2022-1			
						61FIT3SS2	Chuyên đề 2	3	0	2022-2			
						61FIT3WPR	Lập trình Web	3	0	2022-1			
						61FIT4INT	Thực tập Tốt nghiệp	4	0	2023-2			
						61FIT4SPM	Quản lý Dự án Phần mềm	3	0	2022-2			
						CSN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						DHCNPM	Nhóm môn tự chọn	12	12		X		
						NLNN	Thông tin nhóm CC tự chọn	0	0		X		
						TC_KLTN	Nhóm môn tự chọn	6	6		X		
						TCA2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						TCB1	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		
						TCB2	Nhóm môn tự chọn	14	14		X		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC CSN :	6 TC (Min)	6
CSN .	61FIT2AIN Trí tuệ Nhân tạo	3
	61FIT2ESY Hệ thống nhúng	3
	61FIT2IIS Nhập môn An toàn Thông tin	3
	61FIT3CGR Đồ họa Máy tính	3
Nhóm TC DHCNPM :	12 TC (Min)	12
DHCNPM .	61FIT3BDM Khai phá Dữ liệu lớn	3
	61FIT3HCI Tương tác Người máy	3

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2020 - CNPM (FIT_CNPM_2020)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **142**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
		61FIT3IWS Internet và Dịch vụ Web	3										
		61FIT3JSD Phát triển Phần mềm Java	3										
		61FIT3MPR Lập trình cho Thiết bị Di động	3										
		61FIT3MUL Đa phương tiện	3										
		61FIT3NPR Lập trình mạng	3										
		61FIT3REQ Phân tích Yêu cầu Phần mềm	3										
Nhóm TC GDTC :		2 TC (Min)	2										
GDTC1 .		61PED1AB1 Thể dục nhịp điệu 1	1										
		61PED1AB2 Thể dục nhịp điệu 2	1										
		61PED1BB1 Bóng rổ 1	1										
		61PED1BB2 Bóng rổ 2	1										
		61PED1FF1 Bóng đá cơ bản 1	1										
		61PED1FF2 Bóng đá cơ bản 2	1										
		61PED1LJP Nhảy xa	1										
		61PED1OMR Chạy 100m	1										
		61PED1PP1 Bóng bàn 1	1										
		61PED1PP2 Bóng bàn 2	1										
		61PED1VB1 Bóng chuyền 1	1										
		61PED1VB2 Bóng chuyền 2	1										
Nhóm TC TC_KLTN :		6 TC (Min)	6										
TC_KLTN .		61FIT4ATI Các chủ đề mới trong Công nghệ thông tin	3										
		61FIT4GRP Khóa luận Tốt nghiệp	6										
		61FIT4IPR Xử lý ảnh và nhận dạng	3										
		61FIT4MLA Học máy và Ứng dụng	3										
		61FIT4PIT Đạo đức Nghề nghiệp trong Ngành Công nghệ Thông tin	3										

Danh sách sinh viên không đạt

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Tiêu chuẩn: DHCQ CNTT PB 2020 - CNPM (FIT_CNPM_2020)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **142**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Số tín chỉ nợ	HK K.Hoạch	BBTC	ĐHPL1	Ghi chú
Nhóm TC TCA2 :		14 TC (Min)	14										
TCA2 .		61ESP11A2 Thực hành tiếng 1A2	4										
		61ESP12A2 Thực hành tiếng 2A2	4										
		61ESP13A2 Thực hành tiếng 3A2	3										
		61ESP14A2 Thực hành tiếng 4A2	3										
		61ESP1A2 Thực hành tiếng A2	14										
Nhóm TC TCB1 :		14 TC (Min)	14										
TCB1 .		61ESP11B1 Thực hành tiếng 1B1	4										
		61ESP12B1 Thực hành tiếng 2B1	4										
		61ESP13B1 Thực hành tiếng 3B1	3										
		61ESP14B1 Thực hành tiếng 4B1	3										
		61ESP1B1 Thực hành tiếng B1	14										
Nhóm TC TCB2 :		14 TC (Min)	14										
TCB2 .		61ESP11B2 Thực hành tiếng 1B2	4										
		61ESP12B2 Thực hành tiếng 2B2	4										
		61ESP13B2 Thực hành tiếng 3B2	3										
		61ESP14B2 Thực hành tiếng 4B2	3										
		61ESP1B2 Thực hành tiếng B2	14										
Nhóm chứng chỉ tự chọn NLNN													
NLNN01 .		ANH.B2-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2											
NLNN02 .		ANH.C1-Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1											